|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
| **Use case number:** | UC10 | |
| **User case name:** | Manage User’s Information | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Maturity:** | Filled and Focus | |
| **Summary:** | Thông tin cá nhân của người dùng được quản lý dựa vào các trường sau đây: username, password, email, name (tên thật), khu vực (location), Google account (nếu có). | |
| **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Truy cập vào “Setting” của phần mềm. |  |
|  | 2. Hiển thị danh mục các tùy chọn. |
| 3. Người dùng nhấp chọn “Manage User’s Information”. |  |
|  | 4. Hiển thị trang thông tin người dùng. |
| 5. Người dùng thay đổi password tại ô nhập liệu password **A1, A2, A3, A4, A5.** |  |
| 6. Người dùng nhập password mới. |  |
|  | 7. Xác thực password mới của người dùng **E1**. |
| 8. Tại đây người dùng nhấp chọn “OK” **A6**. |  |
|  | 9. Thực hiện lưu xuống database. |
| **Alternative Paths:** | **A1** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng thay đổi username tại ô nhập liệu username. |  |
| 2. Người dùng nhập username mới. |  |
|  | 3. Xác thực username mới của người dùng **E2**. |
|  | Quay lại bước 8 ở Basic Course of Events. |
| **A2** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng thay đổi email tại ô nhập liệu email. |  |
| 2. Người dùng nhập email mới. | 8. Xác thực email mới do người dùng nhập vào **E3**. |
|  | Quay lại bước 8 ở Basic Course of Events |
| **A3** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng thay đổi tên mới tại ô nhập liệu tên. |  |
| 2. Người dùng nhập tên mới. |  |
|  | 3. Kiểm tra tên mới mà người dùng nhập vào **E4**. |
|  | Quay lại bước 8 ở Basic Course of Events. |
| **A4** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn “Add account”. |  |
|  | 2. Hiển thị giao diện gợi ý tất cả tài khoản Google mà người dùng có. |
| 3. Người dùng chọn tài khoản muốn thêm. |  |
|  | 4. Hiển thị tài khoản được chọn lên khung tài khoản Google. |
|  | Quay lại bước 8 ở Basic Course of Events. |
| **A5** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng thay đổi khu vực tại khu vực thay đổi vùng. |  |
| 2. Người dùng chọn khu vực mới. |  |
|  | 3. Ghi nhận khu vực mới của người dùng. |
|  | Quay lại bước 8 ở Basic Course of Events. |
| **A6** Tại đây người dùng có thể nhấp chọn “Cancel” để hủy việc thay đổi thông tin và quay lại bước 4 ở Basic Course of Events. | |
| **Exception Paths:** | **E1.** Kiểm tra xem password nhập vào có đúng format hay không. Nếu không đúng sẽ hiển thị thông báo cho người dùng và quay lại bước trước đó.  **E2.** Kiểm tra xem username nhập vào có hợp lệ không. Nếu có thì hiển thị thông báo.  **E3.** Kiểm tra xem email nhập vào có đúng format không. Nếu không sẽ hiển thị thông báo.  **E4.** Kiểm tra xem tên người dùng có hợp lý không. Nếu đã tồn tại thì hiển thị thông báo cho người dùng. | |
| **Extension Points:** | - Format cho password là phải có độ dài tối thiểu là 8 ký tự.  - Username hợp lệ là không được trùng với username đã tồn tại trong hệ thống.  - Format của email là phải có @.  - Tên người dùng hợp lý là trong tên không được chứa số. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn thay đổi thông tin cá nhân. | |
| **Assumptions:** | Không có. | |
| **Preconditions:** | Phải đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Post conditions:** | Cập nhật thành công thông tin người dùng. | |
| **Reference: Business Rules:** | Không có. | |
| **Author(s):** | Giang. | |
| **Date:** | 5/10/2020. | |
|  | | |